

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển  
rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng; Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020.

Căn cứ Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Căn cứ Công văn số 963/TCLN-BTTN ngày 26/6/2013 của Tổng cục Lâm nghiệp - Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý báo cáo Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

Căn cứ ý kiến kết luận cuộc họp giao ban Thường trực Tỉnh uỷ tại Thông báo số 120-TB/VPTU ngày 08/8/2013 của Văn phòng Tỉnh uỷ.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, ngày 11/06/2013; Báo cáo kết quả thẩm định Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 của Hội đồng thẩm định tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 70/TTr-SNN-KL, ngày 27/6/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

## **1. Mục tiêu**

Quy hoạch ổn định, bảo tồn và phát triển bền vững hệ thống rừng đặc dụng trên địa bàn, phục hồi hệ sinh thái rừng đặc trưng của vùng Đông Bắc Việt Nam; bảo tồn đa dạng sinh học và các nguồn gen động thực vật rừng quý hiếm, phục vụ nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái, bảo vệ cảnh quan môi trường và các quần thể di tích lịch sử, danh thắng Tây Yên Tử.

## **2. Nội dung quy hoạch**

### *2.1. Xác lập các khu rừng đặc dụng*

Quy hoạch ổn định hệ thống rừng đặc dụng tỉnh Bắc Giang giai đoạn đến năm 2020 với quy mô 13.379,3 ha, gồm 2 khu:

- Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử: diện tích quy hoạch 12.172,2 ha thuộc địa phận các xã An Lạc, Thanh Luận, Tuấn Mậu, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động và xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Với mục tiêu: bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng đặc trưng cho vùng Đông Bắc Việt Nam, bảo vệ đa dạng sinh học và các nguồn gen động thực vật rừng quý hiếm, bảo vệ cảnh quan các quần thể di tích, lịch sử, danh thắng Tây Yên Tử.

- Khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ: diện tích quy hoạch 1.207,1 ha thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam. Với mục tiêu: bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị lịch sử, văn hóa, đa dạng sinh học trong khu vực với việc phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường góp phần vào chiến lược bảo tồn các di tích văn hoá - lịch sử, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

### *2.2. Quy hoạch tổ chức quản lý các khu rừng đặc dụng*

- Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử: tăng cường biên chế cho Ban quản lý, kiện toàn bộ máy tổ chức trên cơ sở cơ cấu lại các bộ phận, gồm Lãnh đạo Ban quản lý và các đơn vị trực thuộc: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng bảo tồn, Trung tâm giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường rừng và Hạt Kiểm lâm.

- Khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ: thực hiện chuyển đổi Ban quản lý khu du lịch Suối Mỡ hiện nay, thành Ban quản lý khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ (theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh). Kiện toàn bộ máy quản lý, trên cơ sở cơ cấu lại các bộ phận, gồm: Lãnh đạo Ban quản lý và các đơn vị trực thuộc: Phòng Bảo vệ rừng và Di tích, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Phòng Tổng hợp và Trung tâm Du lịch sinh thái và Giáo dục môi trường.

### *2.3. Quy hoạch lâm sinh, bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học*

- Quy hoạch lâm sinh, phục hồi hệ sinh thái rừng: Nâng cao chất lượng rừng trồng 464,8 ha; làm giàu rừng 300 ha; trồng cây xanh cảnh quan 12.500 cây; khoanh nuôi phục hồi rừng 280,5 ha; bảo vệ rừng (giai đoạn đến năm 2015) là 12.510 ha, đến năm 2020 là 13.082 ha.

- Bảo tồn và đa dạng sinh học: Bảo tồn và phát triển các loài động thực vật rừng hiện có; điều tra hiện trạng, phục hồi một số loài động thực vật rừng quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng; nghiên cứu mô hình phát triển cây lâm sản ngoài gỗ; điều tra giám sát đa dạng loài động thực vật rừng; giám sát tác động của con người đến khu rừng đặc dụng; điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

#### *2.4. Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng*

- Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử: Xây dựng, nâng cấp các trạm bảo vệ rừng; khu nhà tập thể cho cán bộ, nhân viên tại trụ sở Ban quản lý; đầu tư mua sắm trang thiết bị văn phòng; xây dựng các biển báo, biển cấm và cấm mốc ranh giới rừng đặc dụng; xây dựng hệ thống giao thông nội bộ và đường tuần tra bảo vệ rừng; xây dựng đường băng cản lửa; đầu tư trang thiết bị, nhà tập luyện phòng cháy, chữa cháy rừng; nâng cấp vườn ươm cây giống; xây dựng vườn sưu tập thực vật rừng; xây dựng Trung tâm du khách, nhà bảo tàng tại trụ sở Ban quản lý; nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc; khôi phục ngành nghề truyền thống;...

- Khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ: Xây dựng trụ sở văn phòng Ban quản lý; trạm và chốt bảo vệ rừng; hệ thống đường mòn tuần tra bảo vệ rừng kết hợp leo núi và trạm dừng chân; chòi quan sát và canh lửa rừng; hệ thống biển báo, biển cấm; vườn ươm cây giống lâm nghiệp; cơ sở hạ tầng khác.

#### *2.5. Quy hoạch sử dụng tài nguyên và các dịch vụ môi trường rừng đặc dụng*

- Sử dụng tài nguyên bền vững: Thực hiện theo điều 21, Nghị định số 117/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Sử dụng các dịch vụ môi trường rừng: Theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan. Thử nghiệm cho thuê và chi trả dịch vụ môi trường rừng tại khu Ba Tia (thôn Nòn, thị trấn Thanh Sơn) 2.500 ha; khu Đồng Thông (thôn Mậu, xã Tuấn Mậu) 2.500 ha.

#### *2.6. Quy hoạch phát triển du lịch sinh thái, du lịch truyền thống*

- Quy hoạch các điểm, tuyến du lịch:

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, các tuyến: Vững Tròn đi Khe Đin; Vững Tròn đi Khau Chon; Vững Tròn đi Cam Cang; tuyến du lịch leo núi mạo hiểm Đồng Thông - Thác Giót; Đồng Thông - Suối Mơ - Suối nước Vàng - thác Ba Tia; Đồng Thông - Hang Dơi; du lịch văn hóa tâm linh Đồng Thông; thị trấn Thanh Sơn thăm quan nhà máy nhiệt điện Đồng Rì, mỏ than Đồng Rì.

+ Khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ, ngoài các điểm thăm quan vui chơi hiện có như: thác Suối Mỡ, thác Thùm Thùm, tham quan động vật nuôi bán hoang dã, du lịch tâm linh; mở rộng các tuyến thăm quan quanh hồ Hồ Chuối, tuyến leo núi ngắm cảnh Đông Khê, Vọng Nguyệt Lâu, đình chùa Hòn Trứng - Núi Chùa - Thùm Thùm, Thùm Thùm - Mây Đầu - Hồ Bắc,...

(Kết nối các điểm, tuyến du lịch với các tuyến dài như: Suối Mỡ - đền Bà Chúa Kho - đền Đô, Bắc Ninh; Suối Mỡ - Yên Tử - Côn Sơn - Kiếp Bạc; Tây Yên Tử - Khuôn Thần - cây Dã hương; Chùa La - Suối Mỡ - Tây Yên Tử - Chùa Đồng;...).

- Quy hoạch các công trình phục vụ du lịch:

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử: tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu du lịch Tây Yên Tử tại Đồng Thông (theo Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 08/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang); công trình tôn tạo các di tích văn hóa tâm linh Tây Yên Tử; dự án xây dựng khu trung tâm du lịch sinh thái Khe Rỗ (An Lạc).

+ Khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ: thực hiện dự án bảo tồn và tôn tạo di tích đền Hạ, đền Trung và đền Thượng; dự án xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng vui chơi ven hồ Hồ Chuối;...

*2.7. Quy hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các kỹ năng về bảo tồn hệ sinh thái, đa dạng sinh học, phát triển cộng đồng*

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

- Đào tạo kiến thức chuẩn hóa ngạch công chức.

- Đào tạo chuyên gia chuyên sâu phục vụ công tác bảo tồn.

*2.8. Quy hoạch phát triển vùng đệm*

- Vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử tổng diện tích là 6.618,0 ha, (trong đó: 295,96 ha đất sản xuất nông nghiệp; 6.071,0 ha đất lâm nghiệp; 251,04 ha đất khác) nằm trên địa phận 29 thôn, có 3.560 hộ và 16.020 nhân khẩu.

- Thực hiện phát triển vùng đệm theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg, ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020.

### **3. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

*3.1. Giải pháp về tổ chức, quản lý*

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước các khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý, trực tiếp quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử. Phân cấp cho UBND huyện Lục Nam trực tiếp quản lý Khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo xây dựng “Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử” trình UBND tỉnh phê duyệt.

- UBND huyện Lục Nam thành lập Ban quản lý khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập khu rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ, huyện Lục Nam.

### *3.2. Giải pháp về đầu tư và huy động vốn đầu tư*

- Vốn ngân sách: Thực hiện theo Quyết định 24/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Lồng ghép các chương trình, mục tiêu quốc gia, dự án đầu tư của các ngành để tập trung vốn cho bảo tồn, phát triển rừng và vùng đệm.

- Nguồn vốn thu từ các hoạt động dịch vụ, như hoạt động dịch vụ liên doanh, liên kết, kinh doanh dịch vụ trong rừng đặc dụng, cho thuê môi trường rừng,...

- Vốn huy động khác, như vốn huy động tài trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong nước và quốc tế,...

### *3.3. Giải pháp về bảo tồn, phát triển rừng và đa dạng sinh học*

Nâng cao nhận thức, đời sống cộng đồng và chia sẻ lợi ích; tăng cường phổ biến thể chế pháp luật cho cộng đồng; xây dựng các chương trình, dự án về thực hiện các hạng mục lâm sinh và phục hồi hệ sinh thái rừng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### *3.4. Giải pháp về sử dụng đất và sử dụng bền vững tài nguyên rừng*

Thực hiện các thủ tục giao đất, cấp GCNQSD đất cho Ban quản lý; cắm mốc ranh giới các khu rừng; sử dụng đất trong khu rừng đặc dụng theo điều 13, khoản 2 Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; sử dụng bền vững tài nguyên theo điều 21, Nghị định số 117/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

### *3.5. Giải pháp về cơ chế chính sách*

Tập trung các nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo tồn phát triển rừng, phát triển cơ sở hạ tầng; đồng thời lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn nhằm nâng cao đời sống của nhân dân trong và ngoài vùng dự án; vận dụng và tổ chức thực hiện linh hoạt Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg, của Thủ tướng Chính phủ; khuyến khích các Nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển kinh doanh du lịch sinh thái trong khu rừng đặc dụng.

### *3.6. Giải pháp về khoa học công nghệ*

Nghiên cứu mô hình quản lý rừng bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều tra, giám sát, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, cảnh báo cháy rừng, tuyên truyền quảng bá giá trị đa dạng sinh học, giá trị cảnh quan của khu rừng đặc dụng. Đồng thời với ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào để gây giống đặc biệt là các loài cây có nguy cơ tuyệt chủng cao;...

### *3.7. Giải pháp về đào tạo, tuyên truyền, phát triển nguồn nhân lực*

Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, đặc biệt các kỹ năng về bảo tồn hệ sinh thái, đa dạng sinh học, du lịch sinh thái, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn.

*3.8. Giải pháp về chia sẻ lợi ích thực hiện cơ chế đồng quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rừng đặc dụng*

Ban quản lý khu rừng đặc dụng phối hợp với UBND các xã và cộng đồng dân cư xây dựng phương án chia sẻ lợi ích trên nguyên tắc đảm bảo sự thỏa thuận trực tiếp và tự nguyện giữa Ban quản lý khu rừng với cộng đồng dân cư thông qua hợp đồng kinh tế; việc khai thác, sử dụng những lợi ích được chia sẻ không làm ảnh hưởng tiêu cực tới mục tiêu bảo tồn của rừng đặc dụng;...

*3.9. Giải pháp về ổn định dân cư, quản lý, sử dụng rừng đặc dụng của người dân*

Giảm thiểu tác động vào khu rừng đặc dụng đối với 265 hộ gia đình sống trong khu vực Đồng Thông; di dân đối với 9 hộ (52 nhân khẩu) đang sinh sống rải rác, tại xã An Lạc (vùng giáp ranh với huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn) để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo và hội nhập với cộng đồng; tuyên truyền giáo dục quần chúng bảo vệ rừng; tăng cường chương trình khuyến nông khuyến lâm, tham quan học tập các mô hình, mở rộng liên doanh, liên kết và hợp tác quốc tế;...

*3.10. Giải pháp xây dựng quy chế quản lý, bảo vệ phát triển rừng thuộc vùng đệm khu rừng đặc dụng*

Việc xây dựng quy chế phải do người dân địa phương tự nguyện và tự chủ xây dựng, có sự hỗ trợ, hướng dẫn của cán bộ Ban quản lý khu rừng đặc dụng, Kiểm lâm, cán bộ xã; mục đích là ngăn ngừa các tác động tiêu cực của người dân vào khu rừng đặc dụng thông qua sự phối hợp trong quản lý hệ sinh thái tự nhiên và phát triển sinh kế cộng đồng giữa Ban quản lý khu rừng đặc dụng, chính quyền và người dân địa phương sinh sống trong vùng đệm; nội dung là phải nêu được những việc phải làm; những việc được làm; những việc khuyến khích làm; những việc không được làm; những quyền lợi của người dân; trách nhiệm của người dân; khen thưởng, xử phạt;...

#### **4. Khái toán tổng vốn đầu tư đến năm 2020**

*4.1. Tổng vốn:* Tổng vốn đầu tư là 313.210,5 triệu đồng, trong đó:

- Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử: 119.057,6 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư lâm sinh 29.930,3 triệu đồng (chiếm 25,0%); vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 55.634,0 triệu đồng (chiếm 47,0%); vốn đầu tư khác 14.577,3 triệu đồng (chiếm 12%); chi cho Bộ máy quản lý: 18.916,0 triệu đồng (chiếm 16%).

- Khu di tích danh thắng và rừng bảo vệ cảnh quan Suối Mỡ: 194.283,2 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư lâm sinh 9.488,2 triệu đồng (chiếm 4,8%); vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 179.610,0 triệu đồng (chiếm 92,5%); vốn đầu tư khác 5.185,0 triệu đồng (chiếm 2,7%).

*4.2. Nguồn vốn*

- Vốn ngân sách 175.090,5 triệu đồng (chiếm 56%), trong đó: vốn Trung ương 37%; vốn địa phương 19%.

- Vốn ngoài ngân sách: 138.120,0 triệu đồng (chiếm 44%), gồm vốn huy động từ các thành phần kinh tế và vốn các tổ chức quốc tế.

## 5. Các dự án ưu tiên

- Dự án cấm mọc ranh giới.
- Dự án chuyển dân di cư ra khỏi vùng lõi rừng đặc dụng.
- Dự án khoán bảo vệ rừng.
- Dự án hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội vùng đệm.
- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Dự án nghiên cứu thực trạng và giải pháp bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm.
- Dự án đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động của Ban quản lý.
- Dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm công bố công khai, tuyên truyền, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Động, Lục Nam; Chi cục Kiểm lâm và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./: *thư*

**Nơi nhận:** *N*

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Giao thông vận tải; Công thương;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, VX, KT, KTN, TTTHCB;
  - + Lưu VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Ưng Sơn*  
**Lại Thanh Sơn**